

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 174/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: ông **Xi Bá Trọng K**, sinh năm: 1984; nơi cư trú: **số nhà B Quốc lộ E, bản 1, xã L, huyện T, tỉnh Bình Thuận** và bà **Mo Lom M**, sinh năm: 1989; nơi cư trú: **số nhà E thôn C, xã G, huyện D, tỉnh Lâm Đồng**.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông **Xi Bá Trọng K** và bà **Mo Lom M** sống chung với nhau từ năm 2007 đến năm 2015 đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Bình Thuận**. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, không có tiếng nói chung, có những bất đồng về quan điểm, lối sống, cách làm ăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Vợ chồng cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả nên đã sống ly thân 03 năm. Từ khi sống ly thân mỗi người ở một nơi, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, mạnh ai người đó sống. Nay ông **K**, bà **M** đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đều yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông, bà. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông **K**, bà **M** là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên công nhận.

[2] Về con chung: ông **K**, bà **M** xác định vợ chồng có 03 con chung là **Xi Thụy Tuyết N**, sinh ngày 14/01/2009, **Xi Thụy Diễm P1**, sinh ngày 09/5/2011 và **Xi Bá Vĩnh K1**, sinh ngày 24/9/2013. Ly hôn ông **K**, bà **M** thoả thuận và yêu cầu Tòa án công nhận ông **K** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc ba con chung là **Xi Thụy Tuyết N**, sinh ngày 14/01/2009, **Xi Thụy Diễm P1**, sinh ngày 09/5/2011 và **Xi Bá Vĩnh K1**, sinh ngày 24/9/2013 cho đến khi các con đủ tuổi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét yêu cầu công nhận thoả thuận việc nuôi con chung giữa ông **K**, bà **M** là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, đảm bảo quyền và lợi ích của các con nên công nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: ông **K**, bà **M** xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ông **Xi Bá Trọng K** và bà **Mo Lom M** thoả thuận chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình, thoả thuận này của ông **K**, bà **M** là đảm bảo theo quy định của pháp luật nên công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông **Xi Bá Trọng K** và bà **Mo Lom M** thoả thuận thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: ông **Xi Bá Trọng K** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc ba con chung là **Xi Thụy Tuyết N**, sinh ngày 14/01/2009, **Xi Thụy Diễm P1**, sinh ngày 09/5/2011 và **Xi Bá Vĩnh K1**, sinh ngày 24/9/2013 cho đến khi các con đủ tuổi thành niên.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông **Xi Bá Trọng K** và bà **Mo Lom M** thoả thuận chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình (được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí ông **K**, bà **M** đã nộp theo biên lai thu số 0005820 ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- UBND xã La Ngâu, huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

**THẨM PHÁN**

**Đoàn Văn Chiến**